

Số: /BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT kỳ 2019 - 2023

Thực hiện Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT kỳ 2019 - 2023, như sau:

I. Tổ chức thực hiện

Thực hiện Kế hoạch số 5535/KH-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023; Kế hoạch số 5536/KH-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra văn bản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023 và Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch số 158/KH-SNNPTNT ngày 27/12/2022 rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 154/KH-SNNPTNT ngày 26/12/2022 kiểm tra văn bản năm 2023 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 31/KH-SNNPTNT ngày 08/02/2023 hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT. Trên cơ sở Kế hoạch ban hành, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản phù hợp với ngành, lĩnh vực đơn vị mình.

II. Kết quả rà soát

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 do Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu HĐND tỉnh và UBND tỉnh với tổng số **58 văn bản**. Trong đó:

a) Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành toàn bộ: Tổng số văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành hết hiệu toàn bộ trong kỳ 2019 - 2023 là **19 văn bản**, gồm: 04 Nghị quyết và 15 Quyết định.

(Kèm theo Mẫu số 03 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023).

b) Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành một phần: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong kỳ 2019 - 2023 hết hiệu lực một phần là **03** văn bản, gồm: 01 Nghị quyết và 02 Quyết định.

(Kèm theo Mẫu số 04 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023).

c) Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023 còn hiệu lực thi hành là **39 văn bản**, gồm: 11 Nghị quyết và 28 Quyết định.

(Kèm theo Mẫu số 05 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023).

d) Văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ, ban hành mới là **05** văn bản, gồm: 01 Nghị quyết và 04 Quyết định

(Kèm theo Mẫu số 06 Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023).

III. Xử lý kết quả rà soát văn bản

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Qua kết quả rà soát, Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành chỉ đạo các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở có liên quan tiếp tục phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần *(có danh mục kèm theo)*.

IV. Nhận xét chung

1. Tính thống nhất, đồng bộ giữa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong kỳ 2019 - 2023. Đảm bảo theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc soạn thảo, góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Quy chế phối hợp trong công tác đề nghị xây dựng, soạn thảo, góp ý, thẩm định dự thảo văn

bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân tỉnh. Do vậy, văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2023 bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp và thống nhất, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên.

Tuy nhiên, thực hiện chủ trương của tỉnh về công tác xây dựng văn bản, để thuận tiện cho các đối tượng tra cứu, thực hiện, một số Quyết định tham mưu UBND tỉnh ban hành sao chép nội dung của Nghị quyết của HĐND tỉnh và một số quy định trong Nghị quyết chưa phù hợp theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Sau rà soát Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục rà soát, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cấp thẩm quyền (HĐND, UBND tỉnh) để sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật về ban hành VBQPPL.

2. Tính phù hợp giữa các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh và UBND tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành các văn bản pháp luật hoặc cụ thể hóa văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên (trung ương và nghị quyết của HĐND tỉnh) phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

3. Tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật: Văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành được thực hiện nghiêm túc trên địa bàn tỉnh; bảo đảm các tổ chức, cá nhân được tham gia góp ý văn bản theo quy định, thể hiện qua việc đăng tải dự thảo Nghị quyết, Quyết định lấy ý kiến cũng như sau khi ban hành được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT để cho tổ chức, cá nhân truy cập, tìm hiểu và thực hiện công khai, minh bạch và rộng rãi.

4. Khó khăn, hạn chế:

- Bên cạnh kết quả đạt được, công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản các đơn vị trực thuộc Sở có lúc chưa kịp thời; công chức tại các đơn vị trực thuộc được phân công thực hiện rà soát vẫn còn lúng túng trong việc lập phiếu rà soát và lập danh mục văn bản theo quy định. Để khắc phục những hạn chế nêu trên, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện tốt công tác này trong các năm tiếp theo.

- Nguồn kinh phí để thực hiện xây dựng dự thảo văn bản QPPL (Nghị quyết, Quyết định là Văn bản QPPL) theo nhiệm vụ HĐND, UBND tỉnh giao hàng năm đối với ngành tham mưu rất nhiều VBQPPL (trên 10 VBQPPL/năm), hiện nay không được Sở Tài chính bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định, mà sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm của Sở, các đơn vị trực thuộc Sở để thực hiện; trong khi đó nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm của Sở, các đơn vị trực thuộc Sở chỉ đủ chi hoạt động của đơn vị, nên chưa đảm bảo nguồn lực kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính bố trí nguồn kinh phí đặc thù để tham mưu thực hiện nhiệm vụ này theo quy định Nghị quyết

HĐND tỉnh đã ban hành.

Trên đây là báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhân:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư pháp (b/c);
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTr.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Ngọc Hiếu

Mẫu số 03

DANH MỤC

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023**
(Kèm theo Báo cáo số /SNNPTNT-TTr ngày...../01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ KỲ 2019- 2023

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|--------------------------|---|--|---|--|
| I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ | | | | | |
| | | | NĂM 2019 | | |
| 1 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 04/2014/ QĐ-UBND ngày 21/01/2014 | Về việc ban hành Đề án Tổ chức lại nghề khai thác hải sản tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2013 - 2020 | Quyết định số 04/2014/ QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh có căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003 để ban hành, nhưng đã hết hiệu lực thi hành thay thế bởi Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan. | 01/01/2019 |
| 2 | Quyết định của UBND | Số 31/2014/ QĐ-UBND ngày | Về việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tàu cá dưới 20 sức ngựa và các hoạt động khai thác hải | Quyết định số 31/2014/ QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của UBND tỉnh có | 01/01/2019 |

| | | | | | |
|---|--------------------------|-----------------------------------|--|---|------------|
| | tỉnh | 24/4/2014 | sản thuộc vùng biển ven bờ tỉnh Ninh Thuận | căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003 để ban hành, nhưng Luật Thủy sản ngày 26/11/2003 đã hết hiệu lực thi hành thay thế bởi Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan. | |
| 3 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 35/2014/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 | Quy chế quản lý cảng cá, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh | Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 của UBND tỉnh căn cứ Luật Thủy sản năm 2003; Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; Thông tư số 52/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ để ban hành, nhưng đến nay các văn bản trên đã hết hiệu lực. | 01/01/2019 |
| | | | NĂM 2021 | | |
| 4 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 93/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 | Quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017 - 2020 | Quyết định số 93/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó | 01/01/2021 |

| | | | | | |
|---|--------------------------|------------------------------------|--|---|--|
| | | | | khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020 để ban hành, nhưng đã hết hiệu lực giai đoạn đầu tư | |
| 5 | Quyết định của UBND tỉnh | số 03/2020/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại bảng giá hoa màu, cây trồng, mật độ cây trồng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận | Được thay thế bởi Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | 10/01/2021 |
| 6 | Quyết định của UBND tỉnh | số 55/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận | Được thay thế bởi Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh | 21/8/2021 |
| | | | NĂM 2022 | | |
| 7 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 | Kéo dài hiệu lực thi hành Nghị quyết số 20/2017/QĐUBND ngày 17/7/2017 và Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh | Tại Điều 1 của Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 Kéo dài hiệu lực thi hành nghị quyết HĐND cho đến khi HĐND ban hành nghị quyết mới, nhưng hiện nay Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/10/2022 Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên | 01/11/2022 Được bãi bỏ tại NQ số 18/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 |

| | | | | | |
|----|--------------------------|------------------------------------|--|--|--|
| | | | | địa bàn tỉnh Ninh Thuận và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2022 | |
| 8 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 | Kéo dài hiệu lực thi hành Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 và Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 | Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021, căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 làm căn cứ ban hành, nhưng Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 đã hết hiệu lực từ ngày 01/11/2022 | 01/11/2022 Được bãi bỏ tại QĐ số 63/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 |
| 9 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/2/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận | Theo Điều 2 Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh Kéo dài hiệu lực thi hành Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 và Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 nhưng Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh đã hết hiệu lực từ ngày 01/11/2022 | 01/11/2022 |
| | | | NĂM 2023 | | |
| 10 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 | Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2021 | Theo năm ngân sách | 01/01/2023 |
| 11 | Nghị quyết của HĐND | Số 15/2022/NQ-HĐND ngày | Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn | Được thay thế bởi Nghị quyết số 30/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 | 23/12/2023 |

| | | | | | |
|----|--------------------------|------------------------------------|--|---|------------|
| | tỉnh | 20/10/2022 | mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | | |
| 12 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | số 18/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | Được thay thế bởi Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 | 23/12/2023 |
| 13 | Quyết định của UBND tỉnh | số 94/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 | Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2021 | QĐ này theo năm ngân sách | 01/01/2023 |
| 14 | Quyết định của UBND tỉnh | số 51/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận | Được thay thế bởi Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 | 04/8/2023 |
| 15 | Quyết định của UBND tỉnh | số 85/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Được thay thế bởi Quyết định số 80/2023/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 | 12/11/2023 |
| 16 | Quyết định của UBND tỉnh | số 86/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Được thay thế bởi Quyết định số 78/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 | 12/11/2023 |
| 17 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 02/2022/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp | Được thay thế bởi Quyết định số 79/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 | 12/11/2023 |

| | | | | | |
|--|--------------------------|--|---|--|------------|
| | | | và Phát triển nông thôn | | |
| 18 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 70/2022/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 | Ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | Quyết định này căn cứ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 để ban hành, nhưng hết hiệu lực (được thay thế bởi Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023) | 23/12/2023 |
| 19 | Quyết định của UBND tỉnh | Quyết định số 63/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | Quyết định này căn cứ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 để ban hành, nhưng hết hiệu lực (được thay thế bởi Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023) | 23/12/2023 |
| Tổng cộng văn bản hết hiệu lực toàn bộ: 19 văn bản QPPL, gồm 04 Nghị quyết và 15 Quyết định | | | | | |
| II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ | | | | | |
| | | | Không văn bản | | |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC
NGÀY 01/01/2019**

| STT | Tên loại văn | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu |
|-----|--------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------|-------------------------------|
|-----|--------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------|-------------------------------|

| | bản | hành văn bản | | lực | lực |
|---|------------|---------------------|---------------|------------|------------|
| I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ | | | | | |
| | | | Không văn bản | | |
| II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ | | | | | |
| | | | Không văn bản | | |

Mẫu số 04**DANH MỤC**

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNPTNT ngày...../01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN KỲ 2019 - 2023

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|--------------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN | | | | | |
| NĂM 2022 | | | | | |
| 1 | Quyết định của UBND tỉnh | số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | Các phụ lục: Mục IV phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 14/4/2022 |
| NĂM 2023 | | | | | |
| 2 | Nghị quyết của | Số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh | Điều 1; điểm b, khoản 1, Điều 3; điểm b, khoản 2, | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 Sửa đổi, bổ | 01/8/2023 |

| | | | | | |
|---|--------------------------|---|---|--|-----------|
| | HĐND tỉnh | Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030. | Điều 3; điểm b, khoản 3, Điều 3; điểm b, khoản 4, Điều 3; khoản 1, Điều 4 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 | sung một số điều của quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2023 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. | |
| 3 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 Ban hành Đề án đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030 | Khoản 1, Mục III, phần III; Khoản 2, Mục III, phần III; Khoản 3, Mục III, phần III; Khoản 2, Mục IV, phần III; của Đề án kèm theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 61/2023/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. | 09/9/2023 |
| Tổng cộng văn bản hết hiệu lực một phần: 03 văn bản QPPL, gồm 01 Nghị quyết và 02 Quyết định | | | | | |
| II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN | | | | | |
| | | | Không văn bản | | |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC
NGÀY 01/01/2019**

| STT | Tên loại văn | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu |
|-----|--------------|-----------------------------------|---|--------------------------------|-------------------------------|
|-----|--------------|-----------------------------------|---|--------------------------------|-------------------------------|

| | bản | hành văn bản; tên gọi của văn bản | | lực | lực |
|--|------------|--|---------------|------------|------------|
| I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN | | | | | |
| | | | Không văn bản | | |
| | | | | | |
| II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN | | | | | |
| | | | Không văn bản | | |

Mẫu số 05**DANH MỤC**

Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNPTNT ngày...../01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|------------|--------------------------|---|---|------------------------------|--|
| | | | NĂM 2019 | | |
| 1 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | số 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 | Quy định hỗ trợ chủ cơ sở kinh doanh giết mổ nhỏ lẻ chấp hành di dời đến địa điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 23/7/2019 | Còn hiệu lực Được bổ sung bởi NQ số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 |
| 2 | Quyết định của UBND tỉnh | số 51/2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 | Quy định hỗ trợ chủ cơ sở kinh doanh giết mổ nhỏ lẻ chấp hành di dời đến địa điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 02/9/2019 | Còn hiệu lực Được bổ sung bởi QĐ Số 13/2023/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 |
| 3 | Quyết định của | số 68/2019/QĐ-UBND ngày | Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm của ngành Nông | 19/12/2019 | Còn hiệu lực |

| | | | | | |
|---|--------------------------|------------------------------------|--|------------|---|
| | UBND tỉnh | 09/12/2019 | ng nghiệp và Phát triển Nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | | |
| | | | NĂM 2020 | | |
| 4 | Quyết định của UBND tỉnh | số 13/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 | Ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | 15/5/2020 | Còn hiệu lực |
| 5 | Quyết định của UBND tỉnh | số 53/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 | Quy định chế độ đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được huy động tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | 28/12/2020 | Còn hiệu lực |
| 6 | Quyết định của UBND tỉnh | số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | Ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | 10/1/2021 | Hết hiệu lực một phần Được sửa đổi, bổ sung bởi QĐ số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 |
| | | | NĂM 2021 | | |
| 7 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Số 09/2021/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 | Quy định chính sách hỗ trợ khen thưởng địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025. | 10/9/2021 | Còn hiệu lực |
| 8 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Số 19/2021/NQ-HĐND ngày | Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030. | 20/12/2021 | Hết hiệu lực một phần Được sửa đổi, bổ sung bởi NQ số |

| | | | | | |
|----|--------------------------|------------------------------------|---|------------|--------------------------------|
| | | 11/12/2021 | | | 19/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 |
| 9 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 | Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 20/12/2021 | Còn hiệu lực |
| 10 | Quyết định của UBND tỉnh | số 72/2021/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 | Quy định chính sách hỗ trợ khen thưởng địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025. | 08/10/2021 | Còn hiệu lực |
| 11 | Quyết định của UBND tỉnh | số 90/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 | Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | 31/12/2021 | Còn hiệu lực |
| | | | NĂM 2022 | | |
| 12 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20/10/2022 | Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 01/11/2022 | Còn hiệu lực |
| 13 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Số 16/2022/NQ-HĐND ngày 20/10/2022 | Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 01/11/2022 | Còn hiệu lực |
| 14 | Nghị quyết của | Số 23/2022/NQ- | Bổ sung khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7 /2019 của HĐND tỉnh Quy định hỗ trợ chủ | 20/12/2022 | Còn hiệu lực |

| | | | | | |
|----|--------------------------|---------------------------------------|--|------------|---|
| | HĐND tỉnh | HĐND ngày 09/12/2022 | Cơ sở kinh doanh giết mổ nhỏ lẻ chấp hành di dời đến địa điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | | |
| 15 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 | Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 16/01/2022 | Còn hiệu lực |
| 16 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 | Ban hành Đề án đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030. | 06/02/2022 | Hết hiệu lực một phần Được sửa đổi, bổ sung bởi QĐ số 61/2023/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 |
| 17 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 09/2022/QĐ-UBND ngày 27/3/2022 | Ban hành Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 06/4/2022 | Còn hiệu lực |
| 18 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 14/4/2022 | Còn hiệu lực |
| 19 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 11/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 | Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp phục vụ các chương trình, dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 14/4/2022 | Còn hiệu lực |

| | | | | | |
|-----------------|--------------------------|------------------------------------|---|------------|--------------|
| 20 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 37/2022/QĐ-UBND ngày 24/7/2022 | Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030. | 03/8/2022 | Còn hiệu lực |
| 21 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 67/2022/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 | Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại Trạm thủy văn Phước Bình, Phước Hà và Phước Hữu trên các sông thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận. | 05/12/2022 | Còn hiệu lực |
| 22 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 68/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 | Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 07/12/2022 | Còn hiệu lực |
| 23 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 71/2022/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 | Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 16/12/2022 | Còn hiệu lực |
| 24 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 78/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 | Ban hành Quy định định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 02/01/2023 | Còn hiệu lực |
| 25 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 79/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 | Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 02/01/2023 | Còn hiệu lực |
| NĂM 2023 | | | | | |

| | | | | | |
|----|--------------------------|------------------------------------|---|------------|--------------|
| 26 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | số 19/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2023 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. | 01/8/2023 | Còn hiệu lực |
| 27 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | số 28/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 | Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 23/12/2023 | Còn hiệu lực |
| 28 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | số 29/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 | Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2024. | 23/12/2023 | Còn hiệu lực |
| 29 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | số 30/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 | Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. | 23/12/2023 | Còn hiệu lực |
| 30 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 12/2023/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | 18/02/2023 | Còn hiệu lực |
| 31 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 13/2023/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 | Bổ sung khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định hỗ trợ chủ cơ sở kinh doanh giết mổ nhỏ lẻ chấp hành di dời đến địa điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 19/02/2023 | Còn hiệu lực |
| 32 | Quyết định của UBND tỉnh | số 25/2023/QĐ-UBND | Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận | 17/4/2023 | Còn hiệu lực |

| | | | | | |
|----|--------------------------|------------------------------------|---|------------|--------------|
| 33 | Quyết định của UBND tỉnh | số 27/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 | Phê duyệt phương án giá nước và ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | 29/5/2023 | Còn hiệu lực |
| 34 | Quyết định của UBND tỉnh | số 42/2023/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận. | 04/8/2023 | Còn hiệu lực |
| 35 | Quyết định của UBND tỉnh | số 61/2023/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. | 09/9/2023 | Còn hiệu lực |
| 36 | Quyết định của UBND tỉnh | số 78/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận. | 12/11/2023 | Còn hiệu lực |
| 37 | Quyết định của UBND tỉnh | số 79/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận. | 12/11/2023 | Còn hiệu lực |
| 38 | Quyết định của UBND tỉnh | số 80/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận. | 12/11/2023 | Còn hiệu lực |
| 39 | Quyết định của UBND tỉnh | số 86/2023/QĐ-UBND ngày | Quy định trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng thuộc tiểu dự án 1, dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn | 30/11/2023 | Còn hiệu lực |

| | | | | | |
|---|--|------------|---|--|--|
| | | 20/11/2023 | 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | | |
| Tổng số văn bản còn hiệu lực: 39 văn bản quy phạm, trong đó 11 Nghị quyết và 28 Quyết định | | | | | |

Mẫu số 06**DANH MỤC**

Văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023

(Kèm theo Báo cáo số /SNNPTNT-TTr ngày...../01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Kiến nghị(đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị | Cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng |
|-----|--------------------------|---|---|--|---|----------------------------------|--|
| 1 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ | Ý kiến kiểm tra của Bộ Tư pháp: Theo quy định tại Điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi 2018, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Theo đó, HĐND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Nghị quyết số 20/2021/NQ- | Sở Nông nghiệp và PTNT | Trong năm 2024 |

| | | | | | | | |
|---|--------------------------|------------------------------------|--|------------------------------|--|------------------------|----------------|
| | | Thuận | | | HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do vậy, UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định nêu trên và sao chép lại nội dung tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Thuận là không phù hợp về mặt thẩm quyền và quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | | |
| 2 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 68/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 | Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. | sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ | Ý kiến của kiểm tra của Bộ Tư pháp: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và trình HĐND Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Theo đó, HĐND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Trong năm 2024 |

| | | | | | | | |
|---|--------------------------|---|---|-------------------|---|------------------------|----------------|
| | | | | | tháng 10 năm 2022 của HĐND tỉnh Quy định Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do vậy, UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành QĐ số 68/2022/QĐ-UBND quy định nội dung nêu trên sao chép lại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND là không phù hợp về mặt thẩm quyền và quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL. | | |
| 3 | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 | Ban hành quy định chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030 | sửa đổi, bổ sung, | <p>Ý kiến kiểm tra của Bộ Tư pháp:</p> <p>Khoản 1 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND quy định: <i>“Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, các đối tượng còn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo các quy định hiện hành. Trường hợp các chính sách có cùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được lựa chọn thụ hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.”</i></p> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản</p> | Sở Nông nghiệp và PTNT | Trong năm 2024 |

| | | | | | | | |
|---|--------------------------|--|--|--|---|-------------------------------|-----------------------|
| | | | | | <p>quy phạm pháp luật năm 2015 thì “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn”. Theo đó, nguyên tắc nêu trên của HĐND tỉnh Ninh Thuận chưa bảo đảm nguyên tắc áp dụng văn bản nếu trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định chính sách có cùng nội dung hỗ trợ và không quy định địa phương được quy định khác.</p> | | |
| 4 | Quyết định của UBND tỉnh | <p>Số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022)</p> | <p>Ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên đơn bản tỉnh Ninh Thuận</p> | <p>Dự thảo đã gửi STP thẩm định đã có nội dung này. Theo đó, để đảm bảo phù hợp với các yếu tố thị trường thay đổi, sau 03 năm cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đánh giá các yếu tố và tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản thay thế, để phù hợp</p> | <p>Ý kiến kiểm tra của Bộ Tư pháp:</p> <p>Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND quy định như sau:</p> <p>- Điều 1 Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND Ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tại phụ lục I, đơn giá giàn đỡ các loại cây trồng (nếu có) tại phụ lục II để làm căn cứ “Tính giá bồi thường cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có hoa màu, cây trồng trên diện tích đất bị Nhà nước thu hồi đất”.</p> <p>- Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND quy định:</p> <p>2. Trường hợp có cây trồng lâu</p> | <p>Sở Nông nghiệp và PTNT</p> | <p>Trong năm 2024</p> |

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | | <p>với quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013.</p> <p>(Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản thay thế Quyết định này)</p> | <p><i>năm vượt quá mật độ chuẩn và hoa màu trồng xen được quy định tại khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ:</i></p> <p>a) <i>Cây hàng năm nếu trồng xen trong vườn cây trồng chính lâu năm thì được hỗ trợ bồi thường bằng 50% giá trị của cây trồng xen đó.</i></p> <p>b) <i>Cây trồng lâu năm vượt quá mật độ quy định tại Phụ lục III thì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Số cây vượt quá mật độ đến 50% được tính bằng 80% giá quy định tại bảng giá hoa màu, cây trồng;</i> - <i>Số cây vượt quá mật độ từ trên 50% đến 70% được tính bằng 60% giá quy định;</i> - <i>Số cây vượt quá mật độ từ trên 70% thì được tính bằng 30% giá quy định.”</i> - <i>Phụ lục III Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND quy định mật độ cây trồng</i> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 thì việc bồi thường đối với cây trồng cần bảo đảm nguyên tắc giá trị (sản lượng của vụ thu hoạch hoặc vườn cây) tại thời điểm thu hồi đất. Do đó, việc Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND như trên và không có quy định dự liệu khi các yếu tố thị trường thay đổi giá cây trồng là chưa bảo đảm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật</p> | |
|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|---|--------------------------|-----------------------------------|---|------------------------------|--|------------------------|----------------|
| | | | | | Đất đai năm 2013. | | |
| 5 | Quyết định của UBND tỉnh | Số 72/2021/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 | Quy định chính sách hỗ trợ khen thưởng địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 | sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ | <p>Ý kiến kiểm tra của Bộ Tư pháp:</p> <p>Luật Ngân sách nhà nước 2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước đã quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, HĐND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 Quy định chính sách hỗ trợ khen thưởng địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025. Do vậy, UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quyết định quy định nội dung nêu</p> | Sở Nông nghiệp và PTNT | Trong năm 2024 |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | trên sao chép Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND là không phù hợp về mặt thẩm quyền và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|